

Bản án số: 12/ 2017/HS-ST

Ngày 09 / 11 / 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ TỈNH HÀ GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Cù Văn Minh

+ *Các Hội thẩm nhân dân*

Bà : Dương Thị Ngọc Thủy ;

Ông: Phan Thanh Hà;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Xuân Đạt

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Ông Dư Văn Tuệ - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:13/2017/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

- **Hạ Thị C;** Tên gọi khác: không; Sinh năm 1970. Tại Bắc Mê - Hà Giang; Nơi đăng ký HKTT: Xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Đạo tin lành; Trình độ văn hoá: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông: Hạ A S, sinh năm 1932 (đã chết năm 2002) và con bà Vàng Thị M - Sinh năm: 1934; Chồng, con: Có chồng là Giàng A Th, sinh năm 1970 (đã chết năm 2004), có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03 ngày 02/8/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê. (Có mặt)

- **Giàng A T;** Tên gọi khác: không; Sinh năm 1991, tại Bắc Mê – Hà Giang; Nơi đăng ký HKTT: Xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Đạo tin lành; Trình độ văn hoá: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông Giàng A Th, sinh năm 1970 (đã chết năm 2004) và con bà Hạ Thị C - Sinh năm: 1970; Anh, chị, em ruột: Có 04 anh, em ruột, bị can là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Có vợ là Hoàng Thị L - Sinh năm: 1990, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04 ngày 02/8/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê.(Có mặt)

* Người bào chữa cho các bị cáo :

- Trợ giúp viên pháp lý : **Nguyễn Thị T T**;
- Nghề nghiệp: Cán bộ
- Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang;
- Bào chữa cho bị cáo Hạ Thị C và bị cáo Giàng A T:

(Có mặt)

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang:

- Ông : **Hoàng Ngọc T**, Sinh năm 1968.
- Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;
- Trú tại: Thôn NT, xã MS, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

* Người làm chứng:

- **Hoàng Thị L**, Sinh năm: 1990
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

- **Giàng Thị S**, Sinh năm: 1994
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Vắng mặt)

- **Giàng Thị M**, Sinh năm: 1996
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

- **Giàng Thị C**, Sinh năm: 1988
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

- **Giàng A C**, Sinh năm: 1999
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

- **Giàng A T**, Sinh năm: 1988
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

- **Lý A B**, Sinh năm: 1991
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

- **Vàng Thị T**, Sinh năm: 1969
- Trú quán: Thôn TL, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

* Người phiên dịch tiếng Mông:

- Ông **Giàng Trung N**
- Trú tại: Tổ 1, thị trấn YP, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02 năm 2017 (không nhớ ngày) Hạ Thị C có đi đổi công phát nương cho Vàng Thị T, sinh năm 1969 là người trú cùng thôn. Địa điểm phát nương là khu rừng thuộc thôn Khâu Lừa, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê. Quá trình đi đổi công phát rừng, bị cáo C có hỏi xin Vàng Thị T phát khu rừng sát với nhà bà Tổng đang phát để làm nương trồng ngô và được bà Tổng đồng ý, mà không hỏi rõ khu rừng trên T có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không, có được Nhà nước cho phép chặt phá không. Sau khi được Vàng Thị T đồng ý, Hạ Thị C về nhà bàn với con trai là Giàng A T - sinh năm 1991, ở cùng nhà nói là *"Do ruộng của nhà mình bị nước lòng hồ thủy điện ngập hết, không có đất canh tác nên mẹ đã xin bà Tổng phát khu rừng sát với nhà bà Tổng đang phát để làm nương trồng ngô"* và được Giàng A T ủng hộ nhất trí.

Đến ngày hôm sau Hạ Thị C bảo thêm con dâu Hoàng Thị L, con gái Giàng Thị S (Cả L và S ở cùng nhà với bị cáo C) và Giàng A T, đem theo dao quắm đi lên vị trí khu rừng đã hỏi bà Tổng để phát rừng, phát được hai ngày đến chiều ngày thứ ba Hạ Thị C bảo thêm con gái Giàng Thị M, sinh năm 1996 ở cùng nhà đi lên khu rừng tiếp tục phát, ngày thứ tư ngoài các thành viên trong gia đình Hạ Thị C còn đi nhờ thêm một số người đến phát trả công gồm Vàng Thị T sinh năm 1969, Lý A B sinh năm 1991, Giàng A C sinh năm 1999, Giàng A T sinh năm 1988, Giàng Thị C sinh năm 1988, mỗi người mang theo một con dao quắm đi hộ gia đình Hạ Thị C lên phát tại khu rừng mà trước đó gia đình C đang phát dở để chặt phá cây rừng làm nương, sau khi đã phát xong khoảng một tuần thì được bị lực lượng tuần rừng của Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già gọi đi lập biên bản và Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T.

Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐCP ngày 11/11/2013 của chính phủ quy định xử phạt hành chính vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Mức tối đa xử phạt hành chính đối với rừng đặc dụng là 1.000m².

Căn cứ điểm b tiêu mục 3.6, mục 3 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007 của Bộ NN-BTP-BCA - VKSNDTC - TANDTC ngày 08/3/2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì diện tích rừng đặc dụng bị các đối tượng chặt phá là 3.157 m² trên mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính cho nên Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già đã có công văn 16/CV-KL ngày 01/03/2017 chuyển hồ sơ vụ Hủy hoại rừng đặc dụng tại thôn Khâu Lừa, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê giải quyết theo thẩm quyền.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 03 tháng 3 năm 2017: Tổng diện tích bị chặt phá là 3.157m²; Tổng số cây bị chặt phá là 459 cây (*chủ yếu là gỗ muồng, xoan và gỗ thông thường*), cây có đường kính trung bình từ 15 đến 80cm,

cao từ 02 đến 10m, có khối lượng là $15,3367\text{m}^3$, gỗ tròn từ nhóm IIA đến nhóm VIII, trong đó: Gỗ nhóm IIA: $0,0059\text{m}^3$, gỗ nhóm III: $0,0664\text{m}^3$, gỗ nhóm VI: $0,51818\text{m}^3$, gỗ nhóm VIII: $8,8144\text{m}^3$, gỗ tròn thông thường: $5,935\text{m}^3$; vị trí khu rừng bị các đối tượng chặt phá thuộc Lô 10 khoảnh 2, Tiểu khu 155A thuộc khu rừng đặc dụng do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện Bắc Mê có quyết định số 07 ngày 21/03/2017 Quyết định trưng cầu định giá tài sản 459 cây gỗ có khối lượng là $15,3367\text{m}^3$ từ nhóm IIA đến nhóm VIII, gỗ tròn thông thường bị Hạ Thị C, Giàng A T chặt tại diện tích 3.157m^2 rừng Đặc dụng. Tại kết luận số 05 ngày 10/4/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, định giá 459 cây bị chặt có khối lượng $15,3367\text{m}^3$ có trị giá là 24.377.430,đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng)

Tại công văn số 190/KL-TTPC ngày 19/6/2017 của Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Hà Giang trả lời công văn số 77/CV-ĐN ngày 08/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bắc Mê, về việc cung cấp số liệu phục vụ điều tra xác định vị trí xảy ra việc chặt phá rừng do Hạ Thị C và Giàng A T thực hiện thì “Căn cứ bản đồ quy hoạch 3 loại rừng được phê duyệt tại Quyết định 1981/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, về việc điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất)” vị trí rừng bị chặt phá thuộc lô 10, khoảnh 2, tiểu khu 155A; có trạng thái rừng là Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (ký hiệu là TXP; rừng đã có trữ lượng, đối tượng rừng bảo vệ), thuộc quy hoạch rừng đặc dụng khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Mê, do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý, bảo vệ.

Ngày 29/06/2017 cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự số 12, khởi tố bị can số 19, 20 ngày 31/07/2017 và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03, 04 ngày 02/08/2017 đối với Hạ Thị C và Giàng A T về tội Hủy hoại rừng. Đối với Hoàng Thị L, Giàng Thị S, Giàng Thị M và một số người tham gia phát rừng khác do làm theo sự chỉ đạo của bị cáo C, không biết tại diện tích phát nương đó Hạ Thị C có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, có được phép chặt phát hay không, chỉ làm để đổi công theo phong tục tập quán địa phương nên không đủ căn cứ xem xét, xử lý hình sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê tiến hành tạm giữ một số đồ vật, tài liệu và những vật chứng liên quan đến vụ án gồm 459 cây gỗ, có khối lượng $15,3367\text{m}^3$ còn tại hiện trường đã tạm giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý; 05 con dao quắm (dao cũ đã qua sử dụng) là công cụ dùng vào việc hủy hoại rừng của gia đình Hạ Thị C gồm.

- 01 con dao dài 60cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 26cm, lưỡi dao dài 34cm.
- 01 con dao dài 64cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 22cm, lưỡi dao dài 42cm.
- 01 con dao dài 58 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 19cm, lưỡi dao dài 39cm.
- 01 con dao dài 59 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao dài 39cm.
- 01 con dao dài 61 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 29cm, lưỡi dao dài 32cm.

Tại biên bản nghiệm thu của Ban quản lý rừng Đặc dụng Du Già và UBND xã TT lập ngày 25/10/2017 xác nhận việc các bị cáo C, T và gia đình đã thực hiện xong việc khắc phục trồng 524 cây Xa Mộc vào diện tích rừng bị hủy hoại.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già ông Hoàng Ngọc Th tại phiên tòa khai và xác nhận, qua quá trình tuân tra, bảo vệ rừng cán bộ Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già đã phát hiện và lập biên bản vi phạm đối với gia đình bà Hạ Thị C có hành vi chặt phát rừng đặc dụng tại thôn Khâu Lừa, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Tại khu vực rừng bị phát số cây bị chặt là 459 cây gỗ tròn (*Chủ yếu gồm gỗ Muồng, Xoan, gỗ thông thường*) từ nhóm IIA đến nhóm VIII, đường vành từ 15 đến 80, có khối lượng kiểm đếm là 15,3367 m³ trị giá 24.377.430,đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng*); diện tích rừng bị hủy hoại là 3.157 m² tại lô 10, khoảnh 02, tiểu khu 155A theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng được phê duyệt tại quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 19/09/2013 của UBND tỉnh Hà Giang, rừng thuộc Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý. Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già đã phối hợp với cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc đề nghị khởi tố, truy tố theo quy định của pháp luật và đề nghị các bị cáo và gia đình khắc phục hậu quả bằng cách trồng lại cây tại khu vực rừng đã bị hủy hoại. Tại giai đoạn điều tra, truy tố các bị cáo vẫn chưa trồng cây khắc phục được theo yêu cầu song đến nay bị cáo C, T và gia đình đã thực hiện việc khắc phục trồng xong 524 cây Xa Mộc vào diện tích rừng bị hủy hoại. Nay Hạ Thị C, Giàng A T bị đưa ra xét xử Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già có ý kiến, đề nghị HĐXX như sau: Các bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T bị đưa ra xét xử với tội Hủy hoại rừng là đúng người đúng tội, đã góp phần dẫn đến, làm giảm tình trạng phá rừng làm nương tại địa phương. Tuy nhiên các bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế nên đã có hành vi vi phạm pháp luật, sau khi phạm tội các bị cáo và gia đình đã trồng cây khắc phục hậu quả nên Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại 24.377.430,đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng*) nữa đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người làm chứng:

Hoàng Thị L khai và xác nhận không biết mẹ chồng là Hạ Thị C nói với chồng là Giàng A T về việc gia đình đi phát thêm nương tại khu rừng thuộc thôn Khâu Lừa, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê như thế nào vì là con dâu, chỉ biết khi mẹ chồng và chồng đi làm thì đi cùng làm như bà C và chồng là T khai là đúng sự thật nay tôi không đề nghị gì chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mẹ chồng và chồng vì họ là lao động chính trong gia đình.

Giàng Thị S và Giàng Thị M khai và xác nhận thấy mẹ đẻ là Hạ Thị C bảo cả nhà đi phát nương thì đi phát nương chứ không biết gì vì từ trước đến nay trong gia đình sinh hoạt hàng ngày làm gì đều sống phụ thuộc vào mẹ (*Bố đẻ đã mất*), mẹ bảo làm gì thì làm nên khi mẹ và anh trai đi làm thì đi cùng làm như bà C và T khai là đúng sự thật nay không đề nghị gì chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mẹ và anh trai vì các bị cáo đều là lao động chính trong nhà.

Vàng Thị T khai và xác nhận đầu năm 2017 có hỏi và được Vàng A N ở thôn KL, xã MN, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đồng ý cho làm nương cũ của của

anh N đã bỏ tù hơn 10 năm trước tại thôn Khau Lừa nên tháng 2/2017 đã cùng gia đình và nhờ một số người khác sống cùng thôn đi phát nương hộ trong đó có Hạ Thị C. Quá trình phát nương hộ Hạ Thị C có hỏi xin phát một diện tích bên cạnh để làm nương cùng và được tôi đồng ý nhưng tôi không nói mình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay có được phát tại khu vực đó hay không. Khi bị cáo C phát nương tôi cũng đi trả công cho bị cáo C, khi phát nương xong được ít ngày thì bị cơ quan chức năng lập biên bản như bị cáo C và T đã khai. Nay đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Giàng Thị C, Giàng A C, Giàng A T, Lý Á B khai và xác nhận được Hạ Thị C nhờ đi phát nương đôi công và trả công lao động phổ thông bình thường theo phong tục tập quán tại địa phương nên đã mang theo dao đến tham gia hộ phát nương cho gia đình Hạ Thị C theo trình bày của các bị cáo C, T là đúng, còn khu vực đã phát có thuộc quyền quản lý, sử dụng hay được phép phát làm nương hay không thì không biết. Nay không có ý kiến hay đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 13/CT - VKS ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê đã truy tố bị cáo Hạ Thị C và Giàng A T về tội “ Hủy hoại rừng” theo khoản 3, Điều 189 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Truyền các bị cáo** : Hạ Thị C và Giàng A T về tội “ Hủy hoại rừng”.

- **Hình phạt:**

+ Áp dụng điểm b, khoản 3. Điều 189, các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2003); khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2003); điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T mỗi bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đề cập đến.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 41 BLHS; các điểm a, c, d khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 15,3367m³, gỗ tròn từ nhóm IIA đến nhóm VIII, trong đó: Gỗ nhóm IIA: 0,005m³, gỗ nhóm III: 0,066m³, gỗ nhóm VI: 0,518 m³, gỗ nhóm VIII: 8,814m³, gỗ tròn thông thường: 5,935 m³.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 60cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 26cm, lưỡi dao dài 34cm; 01 con dao dài 64cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 22cm, lưỡi dao dài 42cm; 01 con dao dài 58 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 19cm, lưỡi dao dài 39cm; 01 con dao dài 59 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao dài 39cm; 01 con dao dài 61 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 29cm, lưỡi dao dài 32cm.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T T, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang, bào chữa cho các bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T khẳng định việc các bị cáo thực hiện chặt, phát rừng thuộc thôn Khau Lừa, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê là rừng đặc dụng nên bị đưa ra truy tố và xét xử về tội Hủy hoại rừng theo điểm b, khoản 3, Điều 189 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần do công tác tuyên truyền, phổ biến, bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già chưa được tốt, chưa thường xuyên kiểm tra nên đã để các bị cáo có hành vi vi phạm nhiều ngày mới phát hiện, mặt khác các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng sâu, vùng xa, nhà đông người kinh tế khó khăn, không có đất sản xuất các bị cáo C, T đều không được đi học nên nhận thức xã hội và pháp luật của các bị cáo còn nhiều hạn chế, thiệt hại do các bị cáo gây ra có giá trị 24.377.430đ (*Hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng*) là không lớn, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và khắc phục hậu quả nên đề nghị HĐXX xem xét trên cơ sở căn cứ áp dụng vào điểm i, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội về hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 Đề nghị chuyển việc áp dụng xét xử các bị cáo từ khoản 3 Điều 189 BLHS 2009 sang áp dụng xét xử các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 243 BLHS 2015 và áp dụng Điều 47 BLHS cho bị cáo Hạ Thị C và Giàng A T tình với mức án 28 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 15 xin miễn án phí HSST, cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của nhà nước theo quy định điểm b, k, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 BLHS để các bị cáo có cơ hội sửa chữa cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, hòa nhập ổn định cuộc sống tại địa phương và có điều kiện chăm sóc gia đình vì các bị cáo đều là lao động chính, phạm tội do không được học hành, thiếu hiểu biết...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào tháng 2 năm 2017 Hạ Thị C trong khi đi đôi công phát nương cho Vàng Thị T, tại khu rừng thuộc thôn Khau Lừa, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê, có hỏi Vàng Thị T xin phát diện tích sát với nhà bà T đang phát để làm nương trồng ngô và được bà T đồng ý (*Bị cáo C không biết khu rừng trên bà T có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, có được Nhà nước cho phép chặt phá không*). Sau khi được Vàng Thị T đồng ý, Hạ Thị C về nhà bàn với con trai là Giàng A T (ở cùng nhà) nói là “*Do ruộng của nhà mình bị nước lòng hồ thủy điện ngập hết, không có đất canh tác nên mẹ đã xin bà T phát khu rừng sát với nhà bà T đang phát để làm nương trồng ngô*” và được Giàng A T ủng hộ nhất trí nên Hạ Thị C đã bảo con dâu là Hoàng Thị L, con gái Giàng Thị S, Giàng Thị M (Cả L, S và M đều ở cùng nhà với bị cáo C) và Giàng A T, đem theo dao quắm đi lên vị trí khu rừng đã hỏi bà T để phát rừng, ngày thứ tư ngoài các thành viên trong gia đình Hạ Thị C còn đi nhờ thêm một số người đến phát trả công gồm Vàng Thị T, Lý A B, Giàng A

C, Giàng A T, Giàng Thị C, mỗi người mang theo một con dao quắm đi lên khu rừng mà trước đó gia đình Hạ Thị C đang phát dỡ để chặt phá cây rừng làm nương. Sau khi phát nương xong khoảng một tuần thì bị cơ quan Kiểm lâm lập biên bản sau đó chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê khởi tố vụ án hình sự số 12 ngày 29/6/2017, khởi tố bị can số 19, 20 ngày 31/07/2017 và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03, 04 ngày 02/08/2017 đối với Hạ Thị C và Giàng A T về tội Hủy hoại rừng

Tổng diện tích rừng đặc dụng bị hủy hoại là 3,157 m² theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐCP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản quy định: Mức tối đa xử phạt hành chính đối với rừng đặc dụng là 1.000m² trong khi diện tích bị hủy hoại là 3.157m² trên mức xử phạt vi phạm hành chính. Cho nên việc các bị cáo bị truy tố về tội hủy hoại rừng là có căn cứ. Theo thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BCA-BTP-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS năm 1999 về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản diện tích trên mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là tình tiết định khung hình phạt ở khoản 3 Điều 189 BLHS. Do đó quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê đối với các bị cáo Hạ Thị C và Giàng A T về tội Hủy hoại rừng theo điểm b, khoản 3 Điều 189 Hủy hoại rừng đặc dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, cần được xử lý theo quy định của pháp luật hình sự là thỏa đáng. Trong khi các bị cáo có thể nhận thức được việc phát rừng nói chung và rừng đặc dụng nói riêng không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn có hành vi phạm tội chặt, phá, hủy hoại rừng đặc dụng gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái được pháp luật bảo vệ, góp phần vào việc gia tăng nguy hiểm gây lũ lụt, lũ quét làm ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân. Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây tác động xấu đến công tác tuyên truyền thực hiện pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang nói riêng và trật tự xã hội nói chung, trong lúc cả nước đang phát động phong trào trồng và bảo vệ rừng thì các bị cáo lại thực hiện chặt, hủy hoại rừng. Cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T bị xét xử về tội hủy hoại rừng đặc dụng theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) có khung hình phạt từ 07 đến 15 năm tù là thỏa đáng. Tuy nhiên căn cứ vào điểm b khoản 1, điểm h, i khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội về hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015. Diện tích các bị cáo C, T đã chặt phá, hủy hoại rừng đặc dụng là 3,157m² tương ứng tại điểm g, khoản 2, Điều 243 BLHS năm 2015 có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Như vậy hành vi mà các bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T thực hiện thuộc trường hợp được áp dụng có lợi cho người phạm tội.

Gia đình bị cáo Hạ Thị C, sinh sống tại xã TT là một xã có diện tích đất canh tác bị ngập nước, thu hồi phục vụ cho thủy điện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nên không có đất canh tác, điều kiện kinh tế khó khăn, trong quá trình đi phát nương đồi công cho Vàng Thị T thấy bà T có đất nên đã xin và được bà T đồng ý cho một phần diện tích đất nương cũ của anh Vàng A N bỏ không canh tác đã lâu mà bà T xin được, như vậy việc bị cáo C phát nương tại diện tích rừng đó không có ý cố tình vi phạm mà chỉ vì thiếu hiểu biết, do điều kiện khó khăn và muốn có đất sản xuất, lo lắng cuộc sống cho các con nên đã suy nghĩ đơn giản chủ quan cho là mình đã được bà T cho đất thì phát nương đã vô tình vi phạm chặt phá vào rừng đặc dụng. Quá trình bị cáo C thông báo với con trai là Giàng A T việc được bà T cho đất nương cũ để làm nương trồng ngô và được T đồng tình cùng thực hiện việc phát nương không có sự phân công công việc mà chỉ là chao đổi cùng nhau thực hiện cho nên ở đây không có vai trò chủ mưu, cầm đầu, khởi sự mà chỉ là đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện được coi là có vai trò như nhau, hành vi vi phạm là tương đương nên bị cáo C và bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

Là người phụ nữ trong gia đình nhưng bị cáo Hạ Thị C lại là lao động chính, người phải gánh vác, chịu trách nhiệm trụ cột lo lắng mọi việc gia đình (*Chồng bị cáo C là Giàng A T đã chết năm 2004*), gia đình bị cáo có đông con, điều kiện kinh tế khó khăn, không có đất canh tác, không có trình độ và chủ quan là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc bị cáo C vô tình thực hiện vào việc chặt phá, phá hủy 3.157 m² rừng đặc dụng do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý và bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến công tác quản lý và bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, xâm hại trực tiếp đến chính sách phát triển và bảo vệ rừng của nhà nước cần được xử lý bằng pháp luật hình sự với hình phạt và mức án tương xứng với hành vi của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Xét nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính, còn có người phụ thuộc, bị cáo là người dân tộc sống trong vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, không được học hành, trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, gia đình thuộc diện cận nghèo, bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo có địa chỉ ở ổn định rõ ràng, đã trồng cây khắc phục hậu quả có biên bản nghiệm thu xác nhận và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt nên xét thấy chưa cần cách ly bị cáo để giáo dục mà giao bị cáo về lại gia đình và địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ cải tạo các bị cáo, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46.

Đối với bị cáo Giàng A T tuy đã là người trưởng thành, có sự độc lập nhất định nhưng là con lớn trong gia đình hiện vẫn sống cùng bị cáo C nên khi bị cáo C nói xin được đất làm nương, bị cáo T đã nhất trí, ủng hộ và trực tiếp tham gia từ đầu cùng bị cáo C, chặt phá, phá hủy 3.157 m² diện tích rừng đặc dụng do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý và bảo vệ, cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật với hình phạt và mức án tương xứng. Xét về nhân thân Giàng A T là con trai cả của bị cáo C và sống cùng bị cáo C, dưới T còn các em nhỏ (Bố bị

cáo T đã chết). Bản thân bị cáo là lao động chính cũng đã có vợ và có 02 con nhỏ cần được chăm sóc, nuôi dưỡng, bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, có nhân tốt, có địa chỉ ở ổn định rõ ràng, đã trồng cây khắc phục hậu quả theo yêu cầu có xác nhận và được đại diện nguyên đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên xét thấy chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục mà giao bị cáo về lại gia đình và địa phương giáo dục, quản lý cũng đủ cải tạo bị cáo, cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện chăm lo cho các con nhỏ của mình thành công dân có ích cho xã hội, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS;

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo C và bị cáo T ngoài việc nêu các căn cứ để đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn tiền án phí HSST cho các bị cáo còn có ý kiến việc các bị cáo có hành vi phạm tội có một phần lỗi của Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già. HĐXX xét thấy đây là ý kiến có cơ sở vì qua các lời khai tại phiên tòa, các tài liệu có trong hồ sơ đã chứng minh do công tác giáo dục, tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng, công tác cấm biển báo, tuần tra, bảo vệ của Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già chưa được tốt, không thường xuyên có nhiều thiếu sót, sơ hở là một trong những nguyên nhân dẫn đến để các bị cáo có hành vi phạm tội chặt phá rừng do mình quản lý trong thời gian dài mới phát hiện vì vậy HĐXX kiến nghị Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hà Giang, Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già, kiểm tra, chấn chỉnh, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật, công tác tuần tra, bảo vệ rừng để hạn chế việc chặt, phá rừng đặc biệt là rừng đặc dụng như thời gian vừa qua.

Trong vụ án này còn có: Hoàng Thị L, Giàng Thị S, Giàng Thị M là người sống cùng nhà và phụ thuộc vào các bị cáo C và bị cáo T, chỉ đi theo mẹ, chồng, anh của mình đi làm, Cơ quan điều tra không truy tố nên HĐXX không đề cập đến.

Ngoài ra còn có Lý A B, Giàng A C, Giàng A T, Giàng Thị C đều có HKTT: Thôn T L, xã TT, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang được bị cáo C nhờ đi đôi công lao động theo thói quen và phong tục tập quán địa phương, khi nông nhàn đôi công lao động cho nhau, giúp nhau tăng gia, sản xuất, tham gia không có tính vụ lợi; khi tham gia không biết khu vực được nhờ phát là rừng cấm, rừng đặc dụng, không thuộc quyền quản lý của gia đình bị cáo C, T. Khi được nhờ và đi làm theo tin tưởng làm chỉ để đôi công; hơn nữa mức độ tham gia không lớn. Kết quả điều tra cho thấy không đủ cơ sở để kết luận Lý A B, Giàng A C, Giàng A T, Giàng Thị C có hành vi đồng phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là có cơ sở, HĐXX không xem xét.

Riêng Vàng Thị T là người đi xin đất nương cũ của Vàng A Ngai biết đó là đất mình không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được phép làm nương nhưng vẫn phát nương cho riêng mình và cho cả bị cáo C đất mình xin được để cùng phát nương tại rừng đặc dụng là có hành vi, vi phạm. Tại vụ án này Tổng chỉ là nhân chứng, việc xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Vàng Thị T đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang giải quyết trong vụ án khác nên HĐXX không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự

Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa và hồ sơ Đại diện nguyên đơn dân sự thể hiện ý kiến không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại 24.377.430đ (*Hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng*) và khẳng định các bị cáo đã khắc phục diện tích rừng bị hủy hoại bằng cách trồng 524 cây Xa Mộc vào diện tích rừng bị hủy hoại nên không yêu cầu gì về phần dân sự nữa, đây là ý kiến có căn cứ và hợp lý nên HĐXX không đề cập đến.

Xử lý vật chứng : HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm a, b khoản 1, Điều 41 BLHS; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS để xử lý tang vật cụ thể:

Với tang vật là 459 cây đã chặt hạ hiện đang trong rừng đặc dụng tại thôn Khau Lừa, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý HĐXX xét cần tiếp tục giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già tiếp tục quản lý, xử lý theo quy định.

Với các công cụ là 05 con dao cơ quan chức năng đã tịch thu của gia đình bị cáo C đây là công cụ, phương tiện dùng trong quá trình phạm tội nay không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Về án phí : Nhận thấy các bị cáo Hạ Thị C và Giàng A T là đối tượng thuộc diện hộ cận nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ án tiền phí HSST cho các bị cáo .

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T phạm tội “**Hủy hoại rừng**”

- Căn cứ vào điểm b, khoản 3, Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS; điểm a, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP của TAND tối cao ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành Điều 60 BLHS về án treo; điểm b khoản 1, điểm h, i khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội về hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T mỗi bị cáo 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 60 (*Sáu mươi*) tháng thử thách về tội Hủy hoại rừng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án 09/11/2017.

Giao bị cáo Hạ Thị C và Giàng A T cho UBND xã TT, huyện Bắc Mê giám sát giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo Hạ Thị C, Giàng A T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- **Về trách nhiệm dân sự:** không.

- **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS và điểm a, c, đ khoản 2, Điều 76 BLTTHS :

+ Giao 459 cây bị chặt hạ tại diện tích rừng bị hủy hoại cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già tiếp tục quản lý, xử lý theo quy định .

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 60cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 26cm, lưỡi dao dài 34cm; 01 con dao dài 64cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 22cm, lưỡi dao dài 42cm; 01 con dao dài 58 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 19cm, lưỡi dao dài 39cm; 01 con dao dài 59 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 20cm, lưỡi dao dài 39cm; 01 con dao dài 61 cm (cả chuôi), chuôi bằng gỗ dài 29cm, lưỡi dao dài 32cm.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Mê số 03, 04 lập ngày 19/10/2017*).

- **Về án phí:** Áp dụng, điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ tiền án phí HSST cho bị cáo Hạ Thị C và Giàng A T.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND tỉnh HG;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- T.H.A Hình sự Công an Bắc Mê;
- Các bị cáo, Nguyên đơn dân sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp HG;
- Phòng PV 27 CA tỉnh HG
- UBND xã TT (H. Bắc Mê),
- Lưu HS./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Cù Văn Minh